

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 177/TTr-SXD ngày 07/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Chi Lăng như sau:

1. Quy mô các công việc điều chỉnh, bổ sung

1.1. Trạm y tế xã Hữu Kiên:

Bổ sung xây mới: nhà công vụ, diện tích xây dựng 72m²; nhà chứa rác, diện tích xây dựng 20m²; nhà để xe, diện tích xây dựng 45m²; sân bê tông, diện tích 300m²; cổng rộng 5m, tường rào dài 109m và giếng khoan.

1.2. Trạm y tế xã Bắc Thủy

- Bổ sung xây mới: nhà công vụ, diện tích xây dựng 34,6m²; nhà chứa rác, diện tích xây dựng 5,76m²; sân bê tông, diện tích 190m²; cổng rộng 3,56m, tường rào dài 57,8m; mái hiên nhà trạm y tế, diện tích 119,46m² và giếng khoan.

- Điều chỉnh thiết kế một số hạng mục nhà trạm y tế gồm: móng nhà, cửa đi phòng cấp cứu và phòng tiêm.

1.3. Trạm y tế xã Liên Sơn

- Bổ sung xây mới: nhà công vụ, diện tích xây dựng 33m²; nhà chứa rác, diện tích xây dựng 10m²; sân bê tông, diện tích 300m²; cổng rộng 5m, tường rào dài 55m, kè chắn đất dài 13,6m.

- Điều chỉnh thiết kế móng nhà trạm y tế.

2. Thiết kế bản vẽ thi công các nội dung điều chỉnh, bổ sung

2.1. Trạm y tế xã Hữu Kiên

2.1.1. Nhà công vụ xây mới

- Vị trí công trình: công trình bố trí phía Nam khu đất thực hiện dự án (chiều dài nhà vuông góc với nhà trạm y tế đã được phê duyệt).

- Công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (13,2x5,1)m; chiều cao tôn nền 0,36m, chiều cao tầng 3,2m, chiều cao mái dốc 1,2m, tổng chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,76m; mặt chính hướng Đông. Công năng trong nhà: bố trí 01 khu vệ sinh chung (nam và nữ riêng biệt) diện tích 11,4m²; 01 phòng nấu ăn diện tích 9,4m² và 02 phòng nghỉ diện tích mỗi phòng 10,4m²; hành lang trước nhà rộng 1,5m.

- Công trình sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200, đáy móng tại cốt -1.56m; tường móng xây gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (22x36)cm; hệ cột, dầm, sàn nhà bằng bê tông cốt thép toàn khối mác 200, cột tiết diện (22x22)cm, dầm tiết diện (22x30)cm, sàn dày 10cm, tường bao và tường ngăn xây gạch không nung dày 22cm và 11cm, vữa xây bằng xi măng cát mác 50; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,4)mm gác trên tường thu hồi dày 11cm.

- Tường, dầm, trần nhà trát vữa xi măng cát dày 15mm (tường mác 50, dầm và trần mác 75), sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước (02 nước lót, 01 nước phủ), tường khu vệ sinh ốp gạch men (300x600)mm cao 3m, diện tường khu nấu ăn ốp gạch men (300x600)mm từ cốt +0.90m đến trần; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm, nền vệ sinh lát gạch chống trơn (300x300)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép đặc (12x12)mm, sơn chống gỉ 03 nước; mặt và cổ bậc tam cấp ốp đá granite.

- Điện cấp cho công trình được đấu nối từ hệ thống điện lưới của khu vực, vị trí đấu nối tại cột điện hiện trạng tại góc phí Đông-Nam khu đất dự án, cấp điện đến công trình bằng dây dẫn Cu/XLPE/PVC(2x10)mm². Từ tủ điện tổng công trình, điện cấp cho các phòng bằng dây dẫn CU/PVC (2x4)mm², cấp chiếu

sáng hành lang bằng dây dẫn Cu/PVC (2x1,5)mm², cấp cho hệ thống bình nóng lạnh bằng dây dẫn Cu/PVC (2x2,5)mm²; tủ bảng điện các phòng điện cấp cho quạt và bóng chiếu sáng bằng dây dẫn Cu/PVC (2x1,5)mm², cấp cho ổ cắm, dây chờ điều hoà bằng dây dẫn Cu/PVC (2x2,5)mm². Toàn bộ hệ thống dây dẫn điện trong nhà được luồn trong ống nhựa xoắn d=16,20mm đi ngầm tường.

- Chiếu sáng hành lang và khu vệ sinh sử dụng đèn tròn ốp trần 18W, chiếu sáng trong các phòng bằng đèn tuýp đơn 40W. Thông gió nhân tạo bằng hệ thống quạt trần 75W, cánh dài 1,4m và điều hoà treo tường 1.200W.

- Nước cấp cho công trình được đầu nối từ téc nước mái nhà Trạm y tế; nước cấp đến các thiết bị vệ sinh, khu nấu ăn bằng ống nhựa PPR đường kính d=32mm và 25mm.

- Nước mái được thu gom bởi hệ thống sê nô, thoát trực tiếp xuống sân bê tông bằng đường ống nhựa PVC đứng đường kính d=90mm; nước xí, tiểu được thoát trực tiếp xuống bể tự hoại bằng ống nhựa PVC đường kính d=110mm; nước rửa, nước sàn thoát trực tiếp ra hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà bằng ống nhựa PVC d=90mm.

Bể tự hoại xây mới: bể ngầm, bố trí ngoài sân trước nhà; kích thước mặt bằng bể (2,4x1,4)m, sâu 1,35m; đáy bể, mặt bể bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 10cm, lót đáy bể bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; thành bể xây gạch đặc dày 22cm, vữa xây bằng xi măng cát mác 75; lòng bể đánh bóng bằng xi nguyên chất mác 100, dày 2cm.

- Bố trí 01 tủ đựng 04 bình bột chữa cháy loại ABC tại hành lang trước nhà giao trực (3;B), vỏ tủ bằng kim loại sơn chống rỉ, kích thước (650x800x180)mm; kết hợp tiêu lệnh, nội quy chữa cháy đồng bộ.

2.1.2. Nhà chứa rác xây mới

- Vị trí công trình: công trình bố trí cách trục 1 nhà trạm y tế 1,0m về phía Tây.

- Công trình cao 01 tầng, có mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước (3,52x5,32)m; chiều cao tôn nền 0,36m, chiều cao tầng 3,3m, chiều cao mái dốc 1,2m, chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,86m; mặt chính hướng Nam. Toàn bộ không gian trong nhà sử dụng làm kho chứa rác.

- Sử dụng móng xây gạch, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, đáy móng tại cốt -0.81m; giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (22x36)cm; tường bao chịu lực xây bằng gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 50, giằng đỉnh tường bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (22x22)cm; mái lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,4)mm gác trên tường thu hồi dày 11cm.

- Tường nhà trát vữa xi măng cát mác 50, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm, bậc tam cấp lát granito; cửa đi bằng thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Bố trí 01 bóng chiếu sáng trong nhà sử dụng bóng tuýp led 36W, cấp điện cho bóng sử dụng dây dẫn Cu/pvc/ (2x1,5)mm² đầu nối từ bảng điện khu

nấu ăn nhà công vụ.

2.1.3. Nhà để xe xây mới

- Vị trí công trình: công trình bố trí dọc theo ranh giới phía Nam khu đất dự án.

- Mặt bằng công trình hình chữ nhật, kích thước (15x3)m. Phần thân nhà bằng hệ khung thép hình, trong đó: cột bằng thép tròn mạ kẽm đường kính $d=114\text{mm}$, thành ống dày 1,4mm; móng cột sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200, đáy móng cốt -0,45m, chân cột liên kết với móng bằng thép bản mã (200x200)mm và bulong $d=16\text{mm}$; hệ khung kèo hình vòm bằng thép tròn mạ kẽm đường kính $d=114\text{mm}$, thành ống dày 1,4mm có các thanh giằng bằng thép tròn mạ kẽm đường kính $d=60\text{mm}$, thành ống dày 1,1mm; xà gồ đỡ mái bằng thép hình C mạ kẽm (50x10x1,5)mm; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm. Toàn bộ hệ khung thân nhà liên kết bằng phương pháp hàn.

2.1.4. Sân bê tông

- Vị trí: bố trí phía trước nhà trạm y tế và nhà công vụ.

- Kết cấu các lớp từ trên xuống gồm: lớp bê tông xi măng mác 200, dày 10cm; lớp nilon chống thấm, lớp đất đầm chặt $k=0,85$. Mặt sân bố trí các khe co giãn tạo thành các ô kích thước (3x3)m, chèn khe bằng nhựa đường.

2.1.5. Cổng, tường rào

a) Cổng chính:

- Vị trí: bố trí tại ranh giới phía Nam khu đất dự án.

- Thiết kế thi công: cổng 02 cánh mở quay, kích thước chiều rộng theo thông thủy 5m. Trụ cổng cao 3,5m, có móng và phần lõi liên khối bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện lõi (22x22)cm, tiết diện trụ (60x60)cm; đáy móng tại cốt -0.70m, lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; phía ngoài lõi trụ xây bằng gạch không nung vữa xây trát bằng xi măng cát mác 75, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Cánh cổng kích thước (2,43x2,45)m, hệ khung bên ngoài bằng thép hộp (40x80x2)mm; phía trên cánh cổng có các thanh đứng, thanh ngang bằng thép đặc (14x14)mm, cao 1,83m; phía dưới cánh cổng bịt kín 2 mặt bằng tôn dày 1mm đập nổi, cao 0,5m; toàn bộ cánh cổng được sơn chống gỉ 03 nước.

b) Tường rào

- Vị trí: bố trí dọc theo ranh giới phía Bắc, Tây và Nam khu đất dự án.

- Thiết kế thi công: Tường rào thoáng bằng lưới thép B40, trong đó: trụ tường bằng bê tông cốt thép mác 200, cao 1,5m, tiết diện (15x15)cm; có móng đơn bê tông xi măng kích thước (0,6x0,6)cm, đáy móng tại cốt -0.80m; chân trụ được đặt sâu gần đáy móng (cốt -0.60m); các trụ cách đều nhau 3m; thân trụ bố trí hệ thống thép chờ bằng thép hình V (50x50x5)mm. Thân tường rào bằng lưới thép B40 cao 1,5m liên kết với hệ thống lưới thép bằng phương pháp hàn trực tiếp với hệ thống thép chờ trên thân trụ.

2.1.6. Giếng khoan:

- Vị trí: bố trí các nhà công vụ về phía năm 02m.
- Giếng sâu 70m, đường kính lòng giếng $d=90\text{mm}$; lòng giếng bố trí ống vách đường kính $d=48\text{mm}$, ống chống và ống lọc đường kính $d=34\text{mm}$; mặt giếng đổ bê tông xi măng mác 150, dày 30cm.

2.2. Trạm y tế xã Bắc Thuỷ

2.2.1. Nhà công vụ xây mới

- Vị trí: công trình bố trí cách nhà trạm y tế về phía Tây-Bắc 1,0m.
- Công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (10,9x3,64)m; chiều cao tôn nền 0,36m, chiều cao tầng 3,6m, chiều cao mái dốc 1m, tổng chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,96m; mặt chính hướng Đông-Nam. Công năng trong nhà: bố trí 01 phòng nấu ăn diện tích $10,5\text{m}^2$, 01 phòng nghỉ diện tích $17,1\text{m}^2$ và khu sảnh chung ở giữa diện tích $7,57\text{m}^2$.

- Sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200 (móng lệch), đáy móng tại cốt -2.96m; tường móng xây gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện (22x20)cm; hệ cột, giằng đỉnh tường bằng bê tông cốt thép mác 200, cột tiết diện (22x22)cm, giằng tường tiết diện (15x22)cm, tường bao và tường ngăn xây gạch không nung dày 22cm và 11cm, vữa xây bằng xi măng cát mác 50; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,1)mm gác trên tường thu hồi dày 11cm.

- Tường nhà trát vữa xi măng cát dày 15mm mác 50, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước (02 nước lót, 01 nước phủ), diện tường khu nấu ăn ốp gạch men (250x400)mm từ cốt +0.80m đến cốt +1.6m; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm; trần nhà bằng trần nhựa tấm thả, khung xương chìm bằng kim loại, kích thước tấm nhựa (600x600)mm, chiều cao trần tại cốt +3.0m; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm, hoa sắt của sổ bằng thép đặc (12x12)mm, sơn chống gỉ 03 nước.

- Điện cấp cho công trình được đấu nối từ tủ điện tổng nhà trạm y tế đã được phê duyệt, sử dụng dây dẫn Cu/XLPE/PVC(2x6)mm². Từ tủ điện tổng, điện cấp cho bảng điện các phòng bằng dây dẫn CU/PVC (2x4)mm²; từ bảng điện các phòng điện cấp cho quạt và bóng chiếu sáng bằng dây dẫn Cu/PVC (2x1,5)mm², cấp cho ổ cắm bằng dây dẫn Cu/PVC (2x2,5)mm². Toàn bộ hệ thống dây dẫn điện trong nhà được luồn trong ống nhựa xoắn $d=16\text{mm}$ đi ngầm tường. Chiếu sáng sảnh giữa nhà sử dụng đèn tròn ốp trần 32W, chiếu sáng trong các phòng bằng đèn tuýp đơn 40W. Thông gió nhân tạo bằng hệ thống quạt trần.

- Nước cấp đến các thiết bị khu nấu ăn bằng ống nhựa PPR đường kính $d=20\text{mm}$, được đấu nối từ téc chứa nước của nhà trạm y tế đã phê duyệt.

- Nước mái chảy tràn tự nhiên từ mái xuống sân bê tông và thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước xung quanh nhà; nước rửa khu nấu ăn thoát trực tiếp ra

hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà bằng ống nhựa PVC d=90mm.

2.2.2. Nhà chứa rác xây mới

- Vị trí: công trình bố trí sát góc ranh giới phía Tây khu đất dự án, liền kề với nhà công vụ xây mới về phía Tây.

- Công trình cao 01 tầng, có mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước tim tường (1,99x2,5x5,32)m; chiều cao tôn nền 0,3m, chiều cao tầng 3m, chiều cao mái dốc 1m, chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,3m; mặt chính hướng Nam. Toàn bộ không gian trong nhà sử dụng làm kho chứa rác.

- Móng và tường bao chịu lực, xây bằng gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 50, đáy móng tại cốt -1.02m; giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện (22x15)cm; tường móng dày 22cm, tường bao dày 11cm; mái lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,1)mm gác trực tiếp trên tường.

- Tường nhà trát vữa xi măng cát mác 50, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước; nền nhà bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; cửa đi bằng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Bố trí 01 bóng chiếu sáng trong nhà sử dụng bóng led tròn 20W, cấp điện cho bóng sử dụng dây dẫn Cu/PVC/ (2x1,5)mm² đấu nối từ bảng điện khu nấu ăn nhà công vụ.

2.2.3. Bổ sung xây mới cổng, tường rào

a) Cổng chính:

- Vị trí: bố trí tại ranh giới phía Tây-Nam khu đất dự án.

- Cổng 02 cánh mở quay, kích thước chiều rộng thông thủy 3,56m. Trụ cổng cao 2,55m, có móng và phần lõi liên khối bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện lõi (22x22)cm, tiết diện trụ (50x50)cm; đáy móng tại cốt -0.90m, lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; phía ngoài lõi trụ xây bằng gạch không nung vữa xây trát bằng xi măng cát mác 75, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Cánh cổng kích thước (1,74x2,3)m, hệ khung bên ngoài bằng thép hộp (30x60x1,1)mm; phía trên cánh cổng có các thanh đứng, thanh ngang bằng thép hộp (30x30x1,1)mm, cao 1,73m; phía dưới cánh cổng bịt kín 2 mặt bằng tôn dày 1mm dập nổi, cao 0,57m; toàn bộ cánh cổng được sơn chống gỉ 03 nước.

b) Tường rào: trụ tường, tường có móng và phần thân xây bằng gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm, cốt đáy móng -0.7m; giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện giằng móng (22x33)cm; giằng đỉnh tường bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện giằng móng (10x33)cm; kích thước trụ (33x33)cm, cao 2m, tường cao 1,8m. Các trụ cách đều nhau 3,5m, gồm tổng cộng 19 trụ.

2.2.4. Sân bê tông

- Vị trí: bố trí phía trước nhà trạm y tế và nhà vệ sinh.

- Kết cấu các lớp từ trên xuống gồm: lớp bê tông xi măng mác 200, dày 10cm; lớp bạt chống thấm, lớp đất tôn nền đầm chặt $k=0,90$ dày 30cm, lớp sân bê tông hiện trạng, lớp đất tự nhiên. Mặt sân bố trí các khe co giãn tạo thành các ô kích thước $(3 \times 3)m$, chèn khe bằng nhựa đường.

2.2.5. Mái hiên nhà trạm y tế

- Vị trí: phía trước nhà trạm y tế đã phê duyệt (đoạn từ trục 5 đến trục 10).

- Mặt bằng mái hình chữ nhật, kích thước $(16,5 \times 7,24)m$; hệ cột phía đỡ mái phía ngoài bằng thép tròn đường kính $d=90mm$, dày 2,6mm, móng cột bằng bê tông xi măng mác 200 kích thước $(0,6 \times 0,6)m$, cốt đáy móng -0.90m, lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 100, dày 10cm, chân cột đặt sâu trong móng 0,5m; hệ vì kèo, xà gỗ đỡ mái bằng các thanh thép hộp $(40 \times 80 \times 2)mm$, vì kèo phía tiếp giáp nhà trạm y tế được liên kết trực tiếp với dầm tầng 1; máng thu nước bằng inox kích thước lòng máng $(0,3 \times 0,3)m$; mái lợp tôn xộp dày 0,4mm. Toàn bộ hệ thống khung đỡ mái liên kết với nhau bằng phương pháp hàn.

2.2.6. Giếng khoan: bố trí gần ranh giới phía nam khu đất, giếng sâu 28m, đường kính lòng giếng $d=150mm$; lòng giếng bố trí ống vách bằng ống nhựa PVC đường kính $d=140mm$, ống lắng và ống lọc bằng nhựa PVC đường kính $d=125mm$; mặt giếng đổ bê tông xi măng mác 150, dày 10cm, rộng 1,0m.

2.2.7. Điều chỉnh thiết kế nhà trạm y tế

- Phần móng nhà: giữ nguyên cao độ đáy móng; điều chỉnh cao độ nền nhà (cốt -0.00) cao thêm 0,5m; đồng thời nâng chiều cao cổ móng đơn, tường móng lên thêm 0,5m; bổ sung khối lượng đắp đất tôn nền.

- Tầng 1: bổ sung lối đi rộng 0,9m tại trục 4, đoạn (C-D), giữa phòng cấp cứu và phòng tiêm.

- Tầng 2: điều chỉnh giảm không thiết kế tường ngăn dày 11cm tại trục 2 đoạn (C-D).

2.3. Trạm y tế xã Liên Sơn

2.3.1. Nhà công vụ xây mới

- Vị trí công trình: bố trí sát nhà trạm y tế đã phê duyệt về phía Nam

- Công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường $(6 \times 5,1)m$, bậc tam cấp dọc theo trục A rộng 0,655m; chiều cao tôn nền 0,36m, chiều cao tầng 3,3m, chiều cao mái dốc 1,2m, tổng chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,86m; mặt chính hướng Đông. Công năng trong nhà: bố trí 01 phòng nấu ăn và 01 phòng nghỉ, mỗi phòng diện tích 9,4m²; hành lang trước nhà rộng 1,5m.

- Công trình sử dụng móng đơn bê tông cốt thép mác 200, đáy móng tại cốt -1.56m; tường móng xây gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện $(22 \times 36)cm$; hệ cột, dầm, sàn nhà bằng bê tông cốt thép toàn khối mác 200, cột tiết diện $(22 \times 22)cm$, dầm tiết diện $(22 \times 30)cm$, sàn dày 10cm, tường bao và tường ngăn xây gạch

không nung dày 22cm và 11cm, vữa xây bằng xi măng cát mác 50; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,4)mm gác trên tường thu hồi dày 11cm.

- Tường, dầm, trần nhà trát vữa xi măng cát dày 15mm (tường mác 50, dầm và trần mác 75), sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước (02 nước lót, 01 nước phủ), diện tường khu nấu ăn ốp gạch men (300x600)mm từ cốt +0.90m đến trần; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm; hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép đặc (12x12)mm, sơn chống gỉ 03 nước; mặt và cổ bậc tam cấp ốp đá granite.

- Điện cấp cho công trình được đấu nối từ tủ điện tổng nhà trạm y tế đã phê duyệt, cấp đến công trình bằng dây dẫn Cu/PVC/PVC (2x4)mm². Tủ điện tổng công trình, điện chiếu sáng bằng dây dẫn Cu/PVC (2x1,5)mm², cấp cho ổ cắm bằng dây dẫn Cu/PVC (2x2,5)mm². Toàn bộ hệ thống dây dẫn điện trong nhà được luồn trong ống nhựa xoắn d=16,20mm đi ngầm tường. Chiếu sáng: chiếu sáng hành lang sử dụng đèn tròn ốp trần 18W, chiếu sáng trong các phòng bằng đèn tuýp đơn 36W. Thông gió nhân tạo bằng hệ thống quạt trần 75W, cánh dài 1,4m.

- Nước cấp cho công trình được đấu nối từ téc chứa nước mái nhà trạm y tế; nước cấp đến thiết bị khu nấu ăn bằng ống nhựa PPR đường kính d=32mm.

- Nước mái được thu gom bởi hệ thống sê nô, thoát trực tiếp xuống sân bê tông bằng đường ống nhựa PVC đứng đường kính d=90mm; nước rửa khu nấu ăn thoát trực tiếp ra bể ngầm bằng ống nhựa PVC d=60mm.

- Bố trí 01 tủ đựng 02 bình bột chữa cháy tại giao trục (2;B) trong khu nấu ăn.

2.3.2. Nhà chứa rác xây mới

- Vị trí công trình: công trình bố trí tại góc phía Tây-Bắc khu đất dự án, cách nhà vệ sinh hiện trạng về phía Tây.

- Công trình cao 01 tầng, có mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước (2,5x3,08)m; chiều cao tôn nền 0,36m, chiều cao tầng 3,3m, chiều cao mái dốc 1,2m, chiều cao công trình từ mặt sân đến đỉnh mái 4,86m; mặt chính hướng Đông-Nam. Toàn bộ không gian trong nhà sử dụng làm kho chứa rác.

- Móng xây gạch, vữa xây bằng xi măng cát mác 75, đáy móng tại cốt - 0.81m; giằng đỉnh móng bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (22x36)cm; tường bao chịu lực xây bằng gạch không nung, vữa xây bằng xi măng cát mác 50, dày 22cm; giằng đỉnh tường bằng bê tông cốt thép mác 200 tiết diện (22x22)cm; mái lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp (40x80x1,1)mm gác trên tường thu hồi dày 11cm.

- Tường nhà trát vữa xi măng cát mác 50, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước; nền nhà lát gạch ceramic (600x600)mm, bậc tam cấp lát granite; cửa đi bằng cửa thép sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm.

- Bố trí 01 bóng chiếu sáng trong nhà sử dụng bóng tuýp led 36W, cấp điện cho bóng sử dụng dây dẫn Cu/PVC/(2x1,5)mm² đấu nối từ nhà bếp.

2.3.3. Sân bê tông

- Vị trí: bố trí phía trước nhà trạm y tế hiện trạng, 03 phòng trạm y tế xây mới và nhà công vụ xây mới.

- Kết cấu các lớp từ trên xuống gồm: lớp bê tông xi măng mác 200, dày 10cm; lớp bạt chống thấm, lớp đất đầm chặt $k=0,85$. Mặt sân bố trí các khe co giãn tạo thành các ô kích thước (3x3)m, chèn khe bằng nhựa đường.

2.3.4. Cổng, tường rào, kè chắn đất

a) Cổng chính:

- Vị trí: bố trí tại ranh giới phía Nam khu đất dự án.

- Cổng 02 cánh mở quay, kích thước chiều rộng thông thủy 5m. Trụ cổng cao 3,5m, có móng và phần lõi liên khối bằng bê tông cốt thép mác 200, tiết diện lõi (22x22)cm, tiết diện trụ (60x60)cm; đáy móng tại cốt -0.70m, lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; phía ngoài lõi trụ xây bằng gạch không nung vữa xây trát bằng xi măng cát mác 75, sơn hoàn thiện bằng sơn tổng hợp 03 nước. Cánh cổng kích thước (2,43x2,45)m, hệ khung bên ngoài bằng thép hộp (40x80x2)mm; phía trên cánh cổng có các thanh đứng, thanh ngang bằng thép đặc (14x14)mm, cao 1,83m; phía dưới cánh cổng bịt kín 2 mặt bằng tôn dày 1mm dập nổi, cao 0,5m; toàn bộ cánh cổng được sơn chống gỉ 03 nước.

b) Tường rào:

- Vị trí: bố trí dọc theo một phần ranh giới phía Đông-Bắc và ranh giới phía Đông khu đất thực hiện dự án.

- Tường rào thoáng bằng lưới thép B40, trong đó: Trụ tường bằng bê tông cốt thép mác 200, cao 1,5m, tiết diện (15x15)cm; có móng đơn bê tông xi măng kích thước (0,6x0,6)cm, đáy móng tại cốt -0.80m; chân trụ được đặt sâu gần đáy móng (cốt -0.60m); các trụ cách đều nhau 3m; thân trụ bố trí hệ thống thép chờ bằng thép hình V (50x50x5)mm. Thân tường rào bằng lưới thép B40 cao 1,5m liên kết với hệ thống lưới thép bằng phương pháp hàn trực tiếp với hệ thống thép chờ trên thân trụ.

c) Kè chắn đất: bố trí tại taluy âm ranh giới phía Đông-Bắc khu đất dự án; kè chắn gồm 02 đoạn (dài 3,9m và 9,7m). Kè xây bằng gạch đặc, vữa xây bằng xi măng cát mác 75; thân kè rộng (0,33-0,55)m, đáy kè rộng 0,8m, chiều cao kè 2,95m; lót đáy kè bằng bê tông xi măng mác 100, dày 10cm; thoát nước thân kè bằng ống nhựa PVC đường kính $d=60$ mm.

2.3.5. Điều chỉnh thiết kế móng nhà trạm y tế: các móng đơn ký hiệu MC1 (số lượng 02), MC2 (số lượng 06), MC1A (số lượng 01), MC2A (số lượng 02) hạ cao độ đáy móng từ cốt -1.26m xuống cốt cao độ -2.4m, trên lớp lót đáy móng bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; đồng thời kéo dài cổ móng, chiều cao tường móng thêm 1,14m.

3. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

3.1. Dự toán điều chỉnh bổ sung 2.464.976.595 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.183.541.833	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	69.671.159	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	188.471.536	đồng;
- Chi phí khác:	23.292.067	đồng.

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh (làm tròn) 11.500.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng:	9.779.127.322	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	307.620.137	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	1.124.844.086	đồng;
- Chi phí khác:	122.908.595	đồng;
- Chi phí dự phòng:	165.499.859	đồng.

Điều 2. Các nội dung khác không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, KGVX, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền